

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH AN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2019/HSST  
Ngày 26/11/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Văn Giang
2. Bà Nguyễn Thị Hằng

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Võ Thị Xuân Ký - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Ông Nông Quốc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/HSST ngày 04/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST ngày 11/11/2019 đối với bị cáo:

Nông Văn T, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: xã Đ, huyện Tr, tỉnh L;

Chỗ ở hiện nay: K, xã Đ, huyện Tr, tỉnh L;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Hà Hiền L, sinh năm 1959; Con bà: Nông Thị B, sinh năm 1959; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Hoàng Hà T, sinh năm 1997 con: Nông Đức M, sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không có;

Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tr, tỉnh L - Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Nông Quang H – Sinh năm 1995

Địa chỉ: P, xã Đ, huyện T, tỉnh C - Có mặt.

Người làm chứng:

Phan Văn T tên gọi khác Phan Anh T – Sinh năm 1992

Địa chỉ: T, xã Đ, huyện T, tỉnh C – Vắng mặt

Nông Thị B – Sinh năm 1963 – Có mặt

Địa chỉ: K, xã Đ, huyện Tr, tỉnh L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 23/6/2019, Nông Văn T đi xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen, BKS: 12T1 – 0326 từ nhà đến dự đám cưới của anh Nông Trung D, khi đi T có đem theo 01 văm phá khóa tự chế với mục đích trộm cắp xe máy, khi đến xã Đ, huyện T, tỉnh C, T đến gặp người quen là Phan Văn T để gửi chiếc xe máy của mình và nhờ T chở T đến nhà D, sau đó Tú đi xe T về nhà.

Khoảng 17 giờ cùng ngày Nông Văn T dự đám cưới xong đi ra khỏi rạp và quan sát thấy chiếc xe máy hiệu Honda Future, màu sơn Đen – Ghi BKS: 11B1 – 129.11 là của anh Nông Quang H dựng ở lề đường, lúc đó trời đã gần tối, ít người đi lại. T đi bộ đến chiếc xe dùng văm phá khóa để phá ổ khóa điện của chiếc xe, sau đó T để chiếc mũ bảo hiểm trên xe xuống đất ngay gần đó, rồi khởi động xe và điều khiển xe đi theo đường Quốc lộ theo hướng C - L. Khoảng 18 giờ, T gọi điện thoại cho T là để nhờ chiếc xe máy BKS: 12T1 – 0326 ở nhà T và nói dối là đi về nhà theo người khác, sẽ quay lại để lấy sau. Khi đến khu vực đèo B (địa phận huyện Tr, tỉnh L) T dừng xe lại và cạy cốp xe ra để kiểm tra thấy trong cốp xe chỉ có 01 (một) bộ áo mưa, T đã vứt bộ áo mưa ở cạnh đường rồi tiếp tục điều khiển chiếc xe lấy trộm được về nhà. Khi đến xã Đ, huyện Tr, tỉnh L, T gửi chiếc xe máy trên tại nhà dì ruột là bà Nông Thị B, T nói với bà B đó là xe của T mượn người quen. Ngay sau đó T đi về nhà lấy một chiếc cờ lê quay lại nhà bà B tháo rời biển kiểm soát chiếc xe vừa trộm được (BKS: 11B1 – 129.11) cho vào trong cốp xe, rồi về nhà ngủ.

Sau khi phát hiện chiếc xe bị mất trộm, anh Nông Quang H có đơn trình báo sự việc gửi đến Công an huyện T, tỉnh C.

Khoảng cuối tháng 7/2019 T bắt xe khách đi từ nhà đến nhà của Phan Văn T để lấy chiếc xe máy BKS: 12T1 – 0326 mà T đã gửi trước đó về nhà.

Ngày 12/8/2019 Nông Văn T dùng thủ đoạn tương tự trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu Trắng - Đỏ - Đen, BKS: 12T1 – 002.05 tại thôn Á, xã T, huyện Tr, tỉnh L. T đem chiếc xe đã trộm cắp được đem về gửi nhà dì ruột là bà Nông Thị B, sau đó tháo biển kiểm soát ra lấy BKS: 11B1 – 129.11 (xe của anh Nông Quang H) lắp vào chiếc xe BKS: 12T1 – 002.05. Ngày 13/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr đã xác minh làm rõ hành vi trộm cắp tài sản của Nông Văn T và tạm giữ 02 (hai) chiếc xe máy là vật chứng của vụ án để điều tra.

Ngày 14/ 8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr có thông báo số: 226/CQCSĐT gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, thông báo hành vi phạm tội của Nông Văn T.

Ngày 23/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr, tỉnh L, tiến hành giao nhận vật chứng và sổ tài liệu liên quan đến vụ việc để phục vụ công tác điều tra. Vật chứng giao, nhận gồm:

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu sơn Đen – Ghi, số khung: 5384EZ030311, Số máy: JC54E3047387 và 01 (một) biển kiểm soát số: 11B1 – 129.11.

Ngày 20/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T yêu cầu định giá tài sản số: 18 để định giá trị chiếc xe. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 15/KL-ĐGTS ngày 04/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T, kết luận: Chiếc xe máy Honda Future (vật chứng) giá trị còn lại là 18.300.000,đ (Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

Ngày 19/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 08 trả lại chiếc xe máy BKS: 11B1 – 129.11 cho anh Nông Quang H, ngày 23/9/2019 lập biên bản bàn giao chiếc xe BKS:11B1 – 129.11 cho anh Nông Quang H.

Quá trình điều tra xác định được ngoài việc thực hiện vụ trộm cắp tài sản ngày 23/6/2019 tại địa bàn huyện T, từ ngày 16/4/2019 đến ngày 12/8/2019 Nông Văn T còn thực hiện 04 (bốn) vụ trộm cắp tài sản (xe máy) khác tại địa bàn huyện Tr. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam để điều tra, xử lý đối với Nông Văn T về các vụ việc trên.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện T, tỉnh C đã tiến hành điều tra xác minh, lấy lời khai của các bị hại, xác định đặc điểm, số lượng tài sản (xe máy) bị mất trộm đúng như bị cáo T đã khai nhận.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Nông Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình, lời khai nhận tội phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị hại Nông Quang H khai bị mất trộm tài sản đúng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và có ý kiến chiếc xe máy mà bị cáo T trộm cắp, Cơ quan Điều tra thu được và đã trả lại cho anh, nay anh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Đối với Phan Văn T, khi T nhờ đưa đến đám cưới và lấy xe về cất, T không biết việc T sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ để xử lý Phan Văn T về hành vi đồng phạm trong vụ trộm cắp tài sản.

Đối với Nông Thị B, khi T gửi nhờ chiếc xe máy trộm cắp được, bà B không biết đó là chiếc xe do T trộm cắp mà có nên không cấu thành tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nông Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng số: 23/CT-VKSTA ngày 04/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 173; Điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Không có

Về bồi thường dân sự: bị hại Nông Quang H không yêu cầu bị cáo bồi thường là phù

hợp quy định pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 23/6/2019, bị cáo Nông Văn T sau khi ăn cỗ cưới tại xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Cao B ra về thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu sơn Đen – Ghi, số khung: 5384EZ030311, Số máy: JC54E3047387 và 01 (một) Biển kiểm soát số: 11B1 – 129.11 của anh Nông Quang H dựng ở lề đường liền đi đến dùng vạm phá khóa điện, lấy trộm chiếc xe đem về xã Đ, huyện Tr, tỉnh L cất giấu. Đến ngày 13/8/2019 bị cáo T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr, tỉnh L phát hiện bắt giữ về hành vi trộm cắp tài sản và tạm giữ các tài sản (xe máy) có liên quan, trong đó có chiếc xe máy BKS số: 11B1 – 129.11 của anh Nông Quang H.

Tại kết luận định giá tài sản số: 15/KL- ĐGTS, ngày 04/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: Chiếc xe máy BKS số: 11B1 – 129.11 giá trị còn lại là : 18.300.000,đ (Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

Tổng giá trị tài sản do Nông Văn T trộm cắp là: 18.300.000,đ (Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

Do vậy hành vi của bị cáo Nông Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 - Bộ luật hình sự. Cáo trạng số: 23/CT-VKSTA ngày 04/11/2019 của VKSND huyện T, tỉnh C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nông Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, không chịu làm ăn chân chính nên đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến

quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Ngày 23/7/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh L xử phạt 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng về tội “Cố ý gây thương tích”. Và ngày 13/3/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh L xử phạt 17 (Mười bảy) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo đã chấp hành xong cả 02 (hai) bản án trên và đã được xóa án tích. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn lâm vào con đường phạm tội.

Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về tiền án, tiền sự: Không có.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với bị hại Nông Quang H đã được Cơ quan điều tra Công an huyện T trả lại tài sản là chiếc xe máy, tại phiên tòa anh H không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm, là phù hợp theo quy định của pháp luật

Ngoài vụ trộm cắp ngày 23/6/2019 tại địa bàn huyện T bị cáo còn thực hiện 04 (bốn) vụ trộm cắp tài sản (xe máy) khác tại địa bàn huyện Tr, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can để xử lý đối với Nông Văn T.

Đối với Phan Văn T, khi T nhờ đưa đến đám cưới và lấy xe về cất, T không biết việc T sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ để xử lý Phan Văn T về hành vi đồng phạm trong vụ trộm cắp tài sản.

Đối với Nông Thị B, khi T gửi nhờ chiếc xe máy trộm cắp được, bà B không biết đó là chiếc xe do T trộm cắp mà có nên không cấu thành tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Người bị hại Nông Quang H yêu cầu Hội đồng xét xử, xử lý hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Kiểm sát viên đề xuất áp dụng các điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[5] Phần tranh luận: Bị cáo, người bị hại không tranh luận và không có ý kiến gì thêm.

[6] Phần nói lời sau cùng: Bị cáo không có ý kiến gì.

[7] Về bồi thường dân sự: Bị hại Nông Quang H không yêu cầu bị cáo bồi thường. Nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án: Không có

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1, Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

- Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T - Phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T - 15 (Mười năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 13/8/2019.

2. Về bồi thường dân sự: Không có

3. Về vật chứng: Không có

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, người bị hại, có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

(Đã ký)

**Đinh Văn Giang**

**Nguyễn Thị Hằng**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hương**